TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 6 - 2024
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị T - Sinh năm 1984 (có mặt).

HKTT: Thôn M, xã V, huyện B, Hải Dương.

Hiện ở: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Lê Huy T1 - Sinh năm 1980 (*có mặt*).

HKTT và trú tại: Thôn M, xã V, huyện B, Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Huy T1 được tự do tìm hiểu và tự

nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/3/2003. Sau khi kết hôn, chị và anh T1 chung sống với nhau tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chị mâu thuẫn với mẹ chồng, anh T1 không bênh vực chị mà còn đánh chửi chị dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng căng thẳng. Do mâu thuẫn nên khoảng tháng 7/2008 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã V, huyện B, Hải Dương sinh sống từ đó cho đến nay và hai bên không còn quan tâm đến nhau. Đến khoảng năm 2010, chị đi nước ngoài lao động đến năm 2021 thì về nước hẳn. Trong khoảng thời gian nay và từ khi chị về nước cho đến nay, chị và anh T1 không còn liên lạc với nhau và có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện quan hệ để vợ chồng đoàn tụ. Nay, chị xác định vợ chồng đã ly thân nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng chăm sóc, giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

+ Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là Lê Huy T2, sinh ngày 10/11/2003 đang ở cùng anh T1 và con chung Lê Thị Hồng H, sinh ngày 18/3/2006 và Lê Huy T3, sinh ngày 16/12/2009 đang ở cùng chị. Đối với con chung Lê Huy T2 và Lê Thị Hồng H hiện nay đều đã trên 18 tuổi trưởng thành nên chị không đề nghị tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng. Đối với con chung Lê Huy T3, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Huy T3 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành vì hiện nay chị đang là người chăm sóc, nuôi dưỡng con ổn định và con cũng có nguyện vọng muốn tiếp tục ở với chị. Trong trường hợp chị nuôi con, chị tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về điều kiện nuôi con: Chị đang sinh sống cùng với con chung tại gia đình bố mẹ đẻ chị ở thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Bố mẹ chị còn khỏe và luôn sẵn sàng giúp đỡ chị trong việc đưa đón, chăm sóc, nuôi dạy con chung khi chị đi làm. Bản thân chị có thu nhập ổn định là công nhân tại Công ty cổ phần P với mức thu nhập khoảng 6.500.000đ/tháng. Chị cam đoan đủ khả năng nuôi dưỡng con cho đến khi con trưởng thành.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T1 trình bày quan điểm như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình tổ chức cuộc sống chung như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về chung sống với nhau tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương sinh sống. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T mâu thuẫn với mẹ anh, anh đã nhiều lần đứng ra hòa giải cho hai bên và cũng khuyên bảo nhưng chị T không nghe và cáu gắt với anh dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã. Đến khoảng tháng 07/2008 chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã V sinh sống từ thời gian đó cho đến nay. Anh có sang động viên chị T về tiếp tục chung sống với nhau nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm nên anh đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Anh xác định anh và chị T có 03 con chung là Lê Huy T2, sinh ngày 10/11/2003 đang ở cùng anh và con chung Lê Thị Hồng H, sinh ngày 18/3/2006 và Lê Huy T3, sinh ngày 16/12/2009 đang ở cùng chị T. Tại phiên tòa, anh đề nghị tòa án giải quyết giao cả 03 con chung cho anh nuôi dưỡng vì các con mang họ anh nên anh phải được quyền nuôi dưỡng. Anh cũng xác định con chung Lê Huy T3 đang ở cùng mẹ nhưng khi cháu đau ốm anh vẫn qua trông nom, chăm sóc. Cháu T3 có nguyện vọng ở cùng mẹ anh cũng không nhất trí. Trong trường hợp anh nuôi con, anh cũng tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về điều kiện nuôi con: Anh xác định anh có chỗ ở ổn định tại M, xã V, huyện B, Hải Dương. Về thu nhập, anh hiện nay đang làm nghề thợ xây, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 10.000.000đ/tháng và anh còn có 02 ao cá, anh đang thả cá để tạo thêm thu nhập nên anh cam đoan đủ khả năng nuôi dưỡng con cho đến khi cháu trưởng thành.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Đào Thị T giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Lê Huy T1 và yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Lê Huy T1 đồng ý ly hôn và yêu cầu giải quyết cho anh được quyền nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Lê Huy T1.

+ Về con chung: Giao cho chị Đào Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Huy T3, sinh ngày 16/12/2009 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Đào Thị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T, anh T1 không yêu cầu nên không phải giải quyết.

+ Về án phí: Chị Đào Thị T là phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị T khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Lê Huy T1, anh T1 có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn M, xã V, huyện B, Hải Dương nên quan hệ tranh chấp cần giải quyết là "*ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Lê Huy T1 được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 07/3/2003 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Khi đăng ký kết hôn, chị T và anh T1 đều đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân này là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 về chung sống với nhau tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T và anh Thân xác đ là xuất phát từ việc chị T mâu thuẫn với mẹ chồng, vợ chồng không bênh vực nhau và xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Khoảng tháng 7/2008 do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau và không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm. Trước khi tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, chị T và anh T1 đã thống nhất quan điểm về việc vợ chồng thuận tình ly hôn, thỏa thuận nêu trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 đều xác định vợ chồng có 03 con chung là Lê Huy T2, sinh ngày 10/11/2003 đang ở cùng anh T1 và con chung Lê Thị Hồng H, sinh ngày 18/3/2006 và Lê Huy T3, sinh ngày 16/12/2009 đang ở cùng chị T.

Đối với con chung Lê Huy T2 và Lê Thị Hồng H: Anh T1 có ý kiến đề nghị tòa án giải quyết quyền nuôi dưỡng đối với con chung Lê Huy T2 và Lê Thị Hồng H tuy nhiên hiện nay các con chung nêu trên đều đã trên 18 tuổi trưởng thành, tại phiên tòa các bên đều thừa nhận các con chung không bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động nên tòa án không giải quyết đối với quyền nuôi dưỡng các con chung nêu trên.

Đối với con chung Lê Huy T3: Quá trình giải quyết vụ án, cả chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được nuôi con Lê Huy T3. Căn cứ về điều kiện nuôi con do chị T, anh T1 cung cấp cho tòa án đều xác định chị T, anh T1 có nơi ăn ở ổn định và đều có công việc, có thu nhập ổn định (chị T công nhân tại Công ty cổ phần P với mức thu nhập ổn định khoảng từ 6.500.000đ/tháng còn anh T1 làm nghề thợ xây, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 10.000.000đ/tháng) nên đều có đủ khả năng nuôi con tuy nhiên cũng xem xét mặc dù anh T1 vẫn thăm

nom, chăm sóc con chung tuy nhiên thực tế con chung Lê Huy T3 đang ở cùng với gia đình chị T từ khi sinh ra cho đến nay và cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ do vậy việc giao chị T tiếp tục nuôi con chung Lê Huy T3 sẽ phù hợp hơn so với việc giao cho anh T1 nuôi dưỡng và cũng để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung. Do vậy, cần cần chấp nhận ý kiến của chị T giao con chung Lê Huy T3 cho chị T nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T, anh T1 thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nhưng không thỏa thuận về con chung. Tại phiên tòa chị T tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho chị và anh T1 nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc chị T tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Lê Huy T1.

2. Về con chung:

Đối với con chung Lê Huy T3: Giao cho chị Đào Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Huy T3, sinh ngày 16/12/2009 (hiện đang ở cùng với chị T) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi

trưởng thành. Anh Lê Huy T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Đào Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Lê Huy T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Lê Huy T2, sinh ngày 10/11/2003 và Lê Thị Hồng H, sinh ngày 18/3/2006 đều đã trên 18 tuổi trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002053 ngày 14 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Hoàn trả lại chị T 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn lại.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Hải